

Số: /QĐ-UBND

Như Xuân, ngày tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:  
Duy tu đường giao thông Thôn 1 đi Thôn Hồ xã Bãi Trành,  
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 2/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Như Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Duy tu đường giao thông thôn 1 đi thôn Hồ xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét Tờ trình số 06/Ttr-UBND ngày 10/4/2023 của UBND xã Bãi Trành, về xin thẩm định Báo cáo KTKT công trình: Duy tu đường giao thông Thôn 1 đi Thôn Hồ xã Bãi Trành huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 40/TĐ-KTHT ngày 18/5/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Duy tu đường giao thông Thôn 1 đi Thôn Hồ xã Bãi Trành huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên công trình:** Duy tu đường giao thông Thôn 1 đi Thôn Hồ xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.

**3. Chủ đầu tư:** UBND xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

**4. Địa điểm đầu tư:** Thôn 1 và Thôn Hồ xã Bãi Trành, huyện Như Xuân.

**5. Hình thức đầu tư:** Duy tu bảo dưỡng và cải tạo

**6. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường tạo thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, nhất là các cháu học sinh đi đến trường. Từng

bước hoàn thiện hạ tầng mạng lưới giao thông khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong và vùng lân cận.

**7. Loại, nhóm, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình giao thông;
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.
- Số bước thiết kế: 1 bước.

**8. Đơn vị tư vấn lập BCKTKT:** Công ty cổ phần công nghệ Việt Đức

**9. Quy mô đầu tư, nội dung thiết kế:**

9.1. Quy mô đầu tư: Đường GTNT cấp A; cấp C, tổng chiều dài  $L = 331.18\text{m}$  ( gồm tuyến chính dài  $145,18\text{m}$ ; tuyến nhánh dài  $186\text{m}$ ), tuyến chính cấp A miền núi và tuyến nhánh cấp C miền núi, điểm đầu tuyến chính giao với đường bê tông hiện tại; điểm cuối giao với ngã ba đường đi chợ Bãi Trành; tuyến nhánh điểm đầu nối tuyến chính, điểm cuối nối đường bê tông hiện có với quy mô cụ thể:

- Tuyến chính: Đường GTNT cấp A, tổng chiều dài  $L=145,18\text{m}$ ; vận tốc thiết kế  $V_{tk}=20\text{km/h}$ ,  $B_n=6,0\text{m}$ ;  $B_m=3,5\text{m}$ ; độ dốc  $i_m=2\%$ ;  $i_l=4\%$ ; mặt đường BTXM M300 dày  $20\text{cm}$ ; Móng bê tông nghèo M100 dày  $15\text{cm}$ ; Nền K95 đầm chặt.

- Tuyến nhánh: Đường GTNT cấp C, tổng chiều dài  $145.18\text{m}$ , vận tốc thiết kế  $V_{tk}=15\text{km/h}$ ;  $B_n=4,0\text{m}$ ;  $B_m=3\text{m}$ ; độ dốc  $i_m=2\%$ ;  $i_l=4\%$ , mặt đường BTXM M300 dày  $16\text{cm}$ , Móng bê tông nghèo M100 dày  $12\text{cm}$ ; Nền K95 đầm chặt;

- Công trình thoát nước ngang : Thiết kế vĩnh cửu bằng BT và BTCT, tải trọng thiết kế H30-Xb80; tần suất thiết kế  $P=4\%$

9.2. Nội dung thiết

- Bình đồ tuyến: Tìm tuyến chủ yếu bám theo đường cũ, một số vị trí trên tuyến được nắn chỉnh để phù hợp với quy mô cấp đường và giảm thiểu việc đền bù GPMB đến các hộ dân trong vùng dự án, hai bên tuyến đường là ruộng vườn của dân và xen lẫn khu dân cư sinh sống;

- Cắt dọc tuyến: Cao độ đỉnh đường bám theo các vị trí tại các ngã ba đường hiện trạng, các vị trí công cũ (giữ nguyên); đường cũ hiện tại

- Cắt ngang tuyến:

*Tuyến chính*

- + Đường GTNT cấp A miền núi, có vận tốc thiết kế  $V_{tk}=20\text{km/h}$ ;
- + Chiều rộng nền đường  $B_n=6,0\text{m}$ ;
- + Chiều rộng mặt đường  $B_m=3,5\text{m}$ ; độ dốc  $i=2\%$ ;
- + Chiều rộng lề gia cố  $B_{lgc}=2 \times 0,75=1,5\text{m}$ ; độ dốc  $i=2\%$ ;
- + Chiều rộng lề đất  $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$ ; độ dốc  $i=4\%$ ;
- + Độ dốc siêu cao lớn nhất  $6\%$ .

*Tuyến nhánh*

- + Chiều rộng nền đường  $B_n=4,0\text{m}$ ;
- + Chiều rộng mặt đường  $B_m=3,0\text{m}$ ; độ dốc  $i=2\%$ ;
- + Chiều rộng lề đất  $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$ ; độ dốc  $i=4\%$ ;
- Kết cấu:

+ Tuyến chính: Mặt đường BTXM M300 dày 20 cm bù vênh trung bình 3cm để tăng cường trên mặt đường xi măng hiện trạng; các vị trí mặt đường mở rộng được cạp móng bằng móng bê tông nghèo M100 dày 15cm, trên lớp đất đắp K95 dày 30cm, sau đó tăng cường lớp mặt đường BTXM M300 dày 20cm, trước khi đổ bê tông phân cạp mở rộng được lót 1 lớp ni lông tái sinh chống mất nước.

+ Tuyến nhánh: Mặt đường BTXM M300 dày 16 cm trên lớp móng bằng bê tông nghèo M100 dày 12cm, trên lớp đất đắp K95 dày 30cm, lót 1 lớp ni lông tái sinh chống mất nước.

+ Mái đường đắp cao ngập nước: Gia cố bằng đá hộc xây VXM M50 dày 25cm. Mái được đỡ bằng chân khay đá hộc xây VXM M50 được đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Công trình thoát nước:

+ Thoát nước dọc: Thiết kế mương thoát nước dọc BxH=1.5x1m, thành xây bằng gạch không nung VXM M50, trát mặt trong bằng VXM M75 dày 2cm. Đỉnh rãnh đổ mũ mô BTCT M250 kích thước 15x30 chạy dọc. Bố trí 3m một thanh chống chống xô BTCT M250 kích thước 15x15cm dài 180cm. Đoạn qua nhà dân bố trí tấm đan BTCT M250 kích thước 100x178x15cm. Rãnh được đặt trên đáy móng BTXM M150 dày 25cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm

+ Thoát nước ngang;

\* *Tuyến chính.*

Thiết kế cống bản B=1,0m tại cọc P1 Km0+33.28. Tấm bản BTCT M300 đúc sẵn dày 18cm, mũ mô bằng BTCT M250, thân cống, móng cống bằng BTXM M150. Cống đặt trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm. Đổ bê tông hoàn thiện mặt cống bằng BTXM M300 dày trung bình 6 cm. Hạ lưu thiết kế tường cánh B=0.4m, sân cống dày 0,3m bằng BTXM M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thượng lưu thiết kế hồ thu nước bằng BTXM M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, phần thượng lưu hướng về cuối tuyến, thiết kế tường cánh, sân cống BTXM M150 dẫn nước từ hồ chứa thượng lưu về hạ lưu. Thiết kế 01 hệ thống cửa phai khung thép, sử dụng van đóng mở V1 để điều tiết nước.

\**Tuyến nhánh.*

Cống tròn D=0,75m tại cọc 3 Km0+48.39. Kết cấu móng cống bằng BTXM

M150. Cống đặt trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm. Quét nhựa đường chống nước, đắp đất K95 trên cống. Thượng lưu hồ thu nước BTXM M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tường đầu hạ lưu, tường cánh bằng BTXM M150, sân cống B=0,3m bằng BTXM M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

Cống bản B=1,5m tại cọc P4 Km0+168.57. Kết cấu tấm bản BTCT M300 đúc sẵn dày 22cm, mũ mô bằng BTCT M250, thân cống, móng cống bằng BTXM M150. Cống đặt trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm, mặt cống bằng BTXM M300 dày trung bình 6 cm, hồ thu hạ lưu bằng BTXM M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tường cánh thượng lưu B=0.4m, sân cống B=0,3m bằng BTXM M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm .

**10. Tổng mức đầu tư : 2.500.000.0000 đ ( Hai tỷ năm trăm triệu đồng)**

*Trong đó :*

- Chi phí xây lắp:	2.189.681.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	60.196.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	208.630.000	đồng
- Chi khác:	25.670.000	đồng
- Dự phòng:	15.823.000	đồng

**11. Nguồn vốn:** Ngân sách nhà nước năm 2023 (Theo quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 2/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Như Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Duy tu đường giao thông Thôn 1 đi Thôn Hồ xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**12. Thời gian thực hiện:** Năm 2023

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Giao UBND xã Bãi Trành (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng, ban: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, UBND xã Bãi Trành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân; Chi cục thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Bãi Trành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Phòng Kinh tế & Hạ tầng;
- Chủ đầu tư: 04 bản;
- Trang TT điện tử Như Xuân;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tuất**

**Phụ lục:**  
**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Công trình: Duy tu đường giao thông Thôn 1 đi Thôn Hồ xã Bãi Trành huyện**  
**Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa,**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>2.189.681.000</b>	<b>Gxd</b>
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính	2.189.681.000	
1.1.1	Nền mặt đường	1.618.790.000	
1.1.2	Phụ trợ	61.966.468	
1.1.3	Rãnh dọc	274.817.527	
1.1.4	Cống ngang	234.107.597	
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>60.196.000</b>	<b>Gqlđa</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>208.630.000</b>	<b>Gtv</b>
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, lập báo cáo KTKT	29.876.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	98.842.206	
3.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	7.576.296	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	70.135.486	
3.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	1.100.000	
3.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	1.100.000	
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>25.670.000</b>	<b>Gk</b>
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	14.249.304	
4.2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	5.000.000	
4.3	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	6.420.941	
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>15.823.000</b>	<b>Gdp</b>
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	15.823.207	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>Gxdct</b>
	<b>Làm tròn</b>	<b>2.500.000.000</b>	